

Bản tin Phân tích kỹ thuật

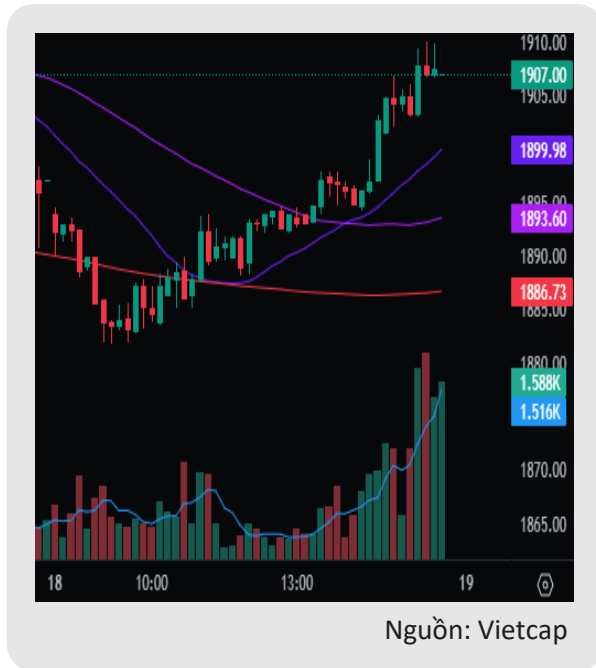
18/12/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G1000 có tín hiệu tăng giá với khuynh hướng kiểm định vùng 1.918 điểm – vùng giá cao trong phiên 17/12. (M5)
- Vị thế mua được mở với dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.900 điểm. (M5)

Chiến lược:

- Mua (B): 1.905 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.918 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.900 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Trung tính	Trung tính
VN30	Trung tính	Trung tính
VNMid	Tiêu cực	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Tiêu cực	Trung tính



Nguồn: Vietcap

- VN-Index tiếp tục thu hẹp biên độ dao động trên môi trường thanh khoản thấp cho thấy các bên mua và bán vẫn còn do dự. Các chỉ số VN30-Index, VNMidcap và VNSmallcap diễn biến tương đồng về giá lẫn thanh khoản. Trong ngắn hạn, tín hiệu trên VN-Index và VN30-Index nâng lên mức Trung tính dựa trên khả năng thiết lập quán tính hồi phục ổn định trong thời gian tới.
- Ghi nhận sự cải thiện từ hoạt động mua giá cao trên nhiều cổ phiếu Ngân hàng và Điện, các nhóm ngành còn lại tuy thiếu sự hỗ trợ từ lực cầu nhưng cũng không bị chi phối bởi lực cung cao bất thường.
- Hai phiên giao dịch 17-18/12 đều mang tính chất củng cố cho tín hiệu hồi phục trên VN-Index và chúng tôi cho rằng vùng 1.680-1.700 điểm sẽ là mục tiêu tiếp theo với hỗ trợ là vùng 1.670 (+/-5) điểm. Nếu chỉ số vượt kháng cự 1.700 điểm, dòng tiền đầu cơ ngắn hạn – lực cầu giá cao sẽ gia tăng, tiếp thêm động lực kiểm định lại vùng đỉnh cũ (khu vực 1.770 điểm).

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



VNM

- VNM có tín hiệu tăng giá trong ngắn và trung hạn nhờ vận động trên các đường MA20, MA50 và MA200.
- Trong các phiên gần đây, VNM nhận được hoạt động mua vùng thấp, cải thiện đà tăng. Vị thế mua được mở với dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 61.500.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
63.400-63.900	70.000	61.500



PVS

- Hoạt động mua cải thiện từ 15-18/12 giúp PVS thiết lập xu hướng tăng ngắn và trung hạn.
- Đáng chú ý, không ghi nhận hoạt động bán bất thường quanh vùng giá cao trong phiên 18/12. Vị thế mua được mở với dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 31.100.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
32.200-32.800	36.000	31.100

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



Nguồn: Vietcap

BID

- BID kiểm định khu vực giá thấp 36.500 hai lần liên tiếp và đều được hỗ trợ từ hoạt động mua tại đây, điều này cho thấy cổ phiếu đang trong giai đoạn tích lũy cho chu kỳ tăng giá.
- Mua BID với mục tiêu là vùng 41.000, dừng lỗ khi xuất hiện nền đóng cửa dưới ngưỡng 37.300.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
37.500-38.000	41.000	37.300



Nguồn: Vietcap

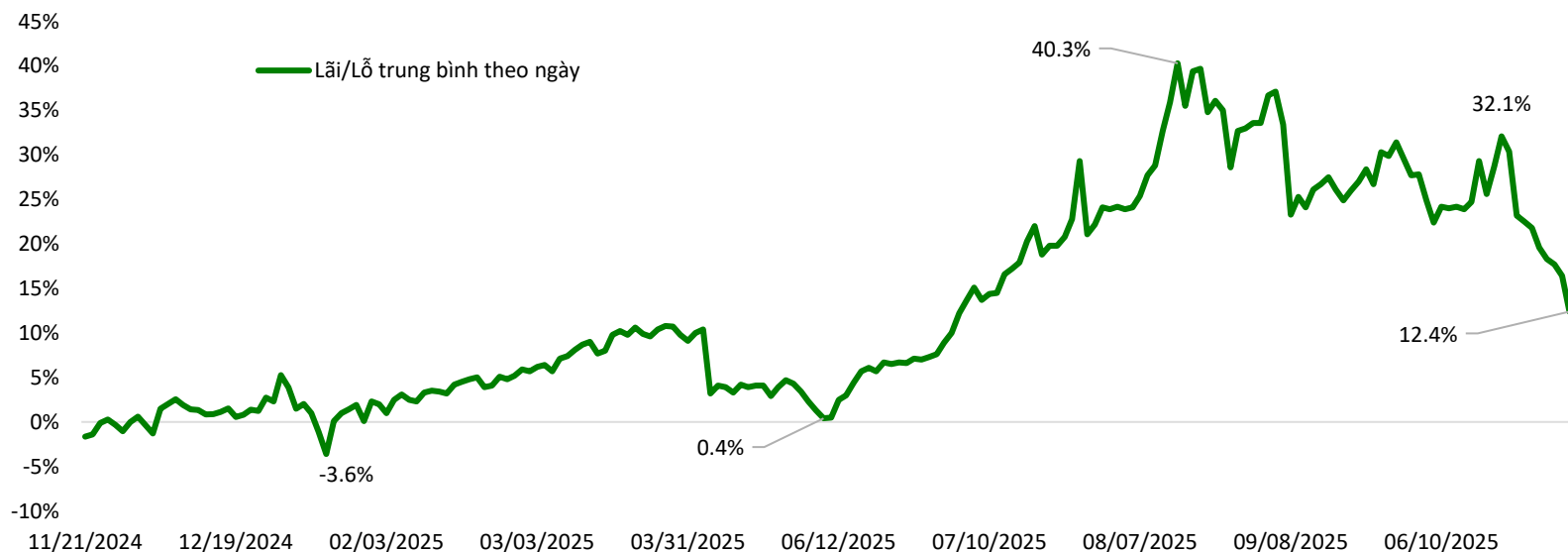
TCB

- Hoạt động mua vùng thấp giá tăng và nhanh chóng giúp TCB quay trở lại vận động trên đường MA200, duy trì điểm tựa trung hạn.
- Áp lực cung được tiết chế trong các phiên gần đây và cổ phiếu nhận được sự cải thiện từ lực cầu giá cao. Mở vị thế thăm dò trên TCB và dừng lỗ khi xuất hiện nền đóng cửa dưới ngưỡng 32.000.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
32.700-33.000	36.200	32.000

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
KDH	05/12/2025	10/12/2025	Dừng lỗ	32,500	34,000	-4.4%	33,300	38,000	32,900	
CEO	05/12/2025	10/12/2025	Dừng lỗ	24,200	26,000	-6.9%	24,400	31,000		
DGW	05/12/2025	12/12/2025	Dừng lỗ	41,000	43,550	-5.9%	41,000	49,400		
MBB	09/12/2025	12/12/2025	Dừng lỗ	24,000	25,000	-4.0%	24,200	28,400		
TCB	09/12/2025	12/12/2025	Dừng lỗ	32,000	33,600	-4.8%	32,400	38,500		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VJC	193,900	4.75%	3.14%	114,713	1.050	2,897	4.7	66.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDB	25,600	3.42%	4.56%	128,135	0.845	3,083	2.0	8.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
GEE	188,000	5.74%	-1.57%	68,808	0.760	9,095	9.2	20.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	33,000	1.23%	-1.20%	233,846	0.553	3,111	1.4	10.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	34,350	-1.01%	-0.83%	266,796	-0.518	4,292	1.6	8.0	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực
FPT	94,400	-1.56%	-1.67%	160,811	-0.484	5,280	4.5	17.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	28,300	1.07%	0.53%	224,530	0.463	2,603	1.5	10.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	63,900	1.59%	3.90%	133,548	0.409	4,160	3.9	15.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MBB	24,650	1.02%	-0.80%	198,556	0.392	3,017	1.6	8.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DGC	74,900	-6.96%	-20.82%	28,445	-0.381	8,296	1.8	9.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	16,100	2.55%	-1.53%	73,959	0.363	2,577	1.1	6.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	88,800	1.02%	-2.42%	159,245	0.314	-60	4.4	-1,489.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BCM	61,300	-2.54%	-5.98%	63,446	-0.311	3,576	3.0	17.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIC	142,700	-0.14%	-2.26%	1,099,651	-0.296	1,147	7.6	124.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
STB	48,000	1.69%	0.63%	90,490	0.295	6,519	1.4	7.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	93,000	-5.97%	-17.63%	18,600	-0.170	9,526	4.1	9.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	17,000	5.59%	6.25%	18,161	0.156	488	1.7	34.8	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
PVI	91,600	2.35%	-3.38%	21,457	0.077	5,156	2.4	17.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBS	26,100	-1.88%	-6.45%	17,192	-0.050	1,667	2.5	15.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCS	42,200	-4.52%	-7.39%	6,752	-0.047	4,365	1.3	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	72,500	-0.41%	-0.68%	65,235	-0.041	4,851	5.5	15.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DHT	71,000	-3.79%	-2.74%	6,431	-0.037	735	6.0	96.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DTK	12,200	2.52%	2.52%	8,330	0.032	1,116	1.0	10.9	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực
PVS	32,800	1.23%	4.79%	16,775	0.032	2,841	1.2	11.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BAB	12,300	1.65%	-0.81%	12,340	0.031	1,055	1.0	11.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DNH	45,100	-14.91%	-14.91%	19,050	-0.006	2,417	15.8	18.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGI	69,800	-0.71%	-0.99%	212,720	-0.003	3,046	5.6	23.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SEA	33,000	-34.00%	-40.00%	4,410	-0.003	1,338	1.9	26.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DSP	20,000	37.93%	53.85%	2,569	0.002	-848	3.0	-25.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	26,000	2.36%	-0.38%	28,643	0.001	-389	2.4	-67.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCR	38,500	-5.17%	-21.43%	8,467	-0.001	-134	5.4	-300.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
CMF	362,200	-13.31%	-9.22%	2,934	-0.001	33,650	2.2	10.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	43,500	0.69%	-3.55%	52,106	0.001	1,438	3.8	30.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	52,500	-0.19%	-2.60%	187,037	-0.001	2,971	2.8	17.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
RGG	27,500	-6.78%	-7.72%	5,047	-0.001	835	2.2	30.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

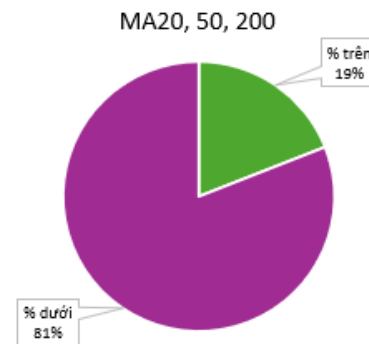
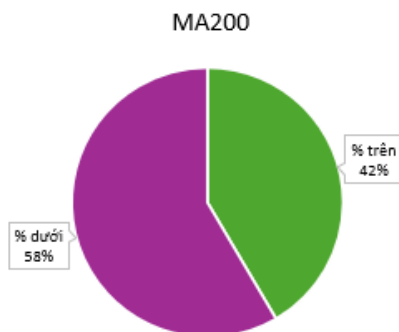
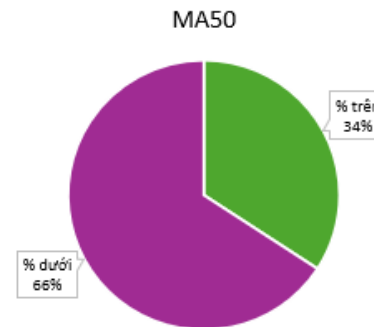
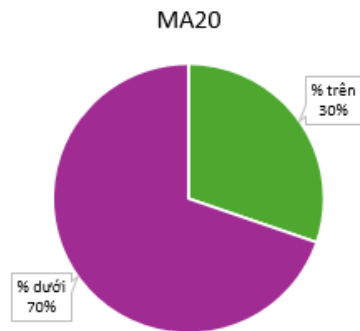
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PVD	27,100	0.4%	152.1	237.4	16,282	27,000	0.9	16.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DHA	64,900	0.6%	6.3	7.6	33,590	64,500	2.0	9.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ITD	17,100	6.2%	12.1	1.2	10,374	16,150	1.5	8.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CMN	91,000	18.0%	12.2	1.4	45,040	83,000	2.7	18.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SEA	33,000	-34.0%	5.4	0.4	33,674	64,200	1.9	26.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PBC	6,800	11.5%	20.8	0.9	5,800	8,058	0.6	90.9	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
ANT	42,600	7.8%	16.3	3.6	16,637	43,700	2.6	8.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CMN	91,000	18.0%	12.2	1.4	45,040	83,000	2.7	18.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ITD	17,100	6.2%	12.1	1.2	10,374	16,150	1.5	8.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GCF	31,100	15.2%	11.6	1.0	19,518	34,800	1.9	12.0	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
YEG	13,800	7.0%	76.0	17.6	10,400	21,175	1.3	17.1	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HSL	7,750	-4.0%	12.7	6.7	3,330	15,900	0.7	162.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			18/12/2025	17/12/2025	16/12/2025	15/12/2025	12/12/2025	11/12/2025	10/12/2025	09/12/2025	08/12/2025	05/12/2025
VNINDEX	MA200	Trên	44%	43%	44%	40%	41%	50%	50%	51%	54%	54%
		Dưới	56%	57%	56%	60%	59%	50%	50%	49%	46%	46%
	MA50	Trên	32%	28%	30%	25%	25%	35%	36%	36%	38%	40%
		Dưới	68%	72%	70%	75%	75%	65%	64%	64%	62%	60%
	MA20	Trên	27%	25%	28%	20%	19%	33%	35%	38%	40%	49%
		Dưới	73%	75%	72%	80%	81%	67%	65%	62%	60%	51%
VN30	MA200	Trên	73%	67%	67%	63%	57%	73%	73%	73%	77%	73%
		Dưới	27%	33%	33%	37%	43%	27%	27%	27%	23%	27%
	MA50	Trên	30%	30%	30%	17%	13%	33%	37%	33%	40%	43%
		Dưới	70%	70%	70%	83%	87%	67%	63%	67%	60%	57%
	MA20	Trên	33%	33%	37%	7%	10%	23%	40%	40%	43%	67%
		Dưới	67%	67%	63%	93%	90%	77%	60%	60%	57%	33%
HNX	MA200	Trên	41%	41%	43%	43%	40%	45%	44%	45%	47%	49%
		Dưới	59%	59%	57%	57%	60%	55%	56%	55%	53%	51%
	MA50	Trên	35%	36%	36%	34%	34%	36%	35%	36%	38%	38%
		Dưới	65%	64%	64%	66%	66%	64%	65%	64%	62%	62%
	MA20	Trên	41%	41%	43%	43%	40%	45%	44%	45%	47%	49%
		Dưới	59%	59%	57%	57%	60%	55%	56%	55%	53%	51%
UPCOM	MA200	Trên	32%	32%	32%	32%	30%	33%	35%	36%	37%	36%
		Dưới	68%	68%	68%	68%	70%	67%	65%	64%	63%	64%
	MA50	Trên	36%	36%	36%	36%	34%	36%	38%	37%	38%	38%
		Dưới	64%	64%	64%	64%	66%	64%	62%	63%	62%	62%
	MA20	Trên	41%	41%	42%	41%	41%	42%	42%	43%	43%	43%
		Dưới	59%	59%	58%	59%	59%	58%	58%	57%	57%	57%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 12															Tháng 11				
		18 ↓	17	16	15	12	11	10	09	08	05	04	03	02	01	28	27	26	25	24	21
1	Y tế	68	67	64	63	66	71	70	74	77	78	76	77	72	51	48	42	41	-	-	-
2	Công nghệ Thông tin	54	55	55	55	58	47	46	44	44	46	45	42	40	37	42	42	40	46	52	55
3	Dầu khí	49	47	39	31	42	40	40	50	47	49	49	49	48	46	48	49	49	46	50	57
4	Thực phẩm và đồ uống...	49	49	48	46	51	55	56	56	57	53	55	54	54	50	53	56	57	57	56	58
5	Bán lẻ	48	45	43	46	63	74	81	84	83	83	85	77	73	70	71	74	73	67	70	76
6	Du lịch và Giải trí	47	48	45	45	50	53	56	57	58	57	56	54	54	54	54	52	50	45	42	43
7	Hàng cá nhân & Gia ...	47	45	44	42	47	51	53	59	62	62	64	63	63	65	66	63	60	61	64	64
8	Xây dựng và Vật liệu	46	45	40	38	50	54	57	57	58	47	49	46	46	42	45	45	43	41	41	42
9	Điện, nước & xăng d...	45	46	41	36	44	47	49	50	54	53	54	55	56	56	58	59	58	60	63	67
10	Bảo hiểm	41	40	37	35	44	49	51	55	54	41	45	41	37	42	44	45	46	47	55	60
11	Tài nguyên Cơ bản	41	41	39	36	43	49	51	52	48	45	48	43	42	44	49	48	46	47	50	51
12	Hàng & Dịch vụ Côn...	38	37	35	34	43	46	47	48	47	48	50	49	48	45	50	53	51	44	45	48
13	Hóa chất	37	39	37	36	44	49	52	53	56	55	59	56	52	51	53	54	54	54	54	56
14	Ngân hàng	31	35	31	31	37	42	42	45	48	45	49	43	35	31	35	34	32	29	29	31
15	Bất động sản	28	28	26	26	37	46	50	54	56	53	58	52	49	42	51	52	53	50	51	44
16	Ô tô và phụ tùng	28	26	25	22	28	30	31	21	23	22	27	25	25	20	27	37	36	41	44	43
17	Dịch vụ tài chính	17	18	15	13	16	20	20	19	22	16	24	18	16	13	14	16	16	18	19	18

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HDB	25,600	3.4%	4.6%	128,135	2.0	8.3	3,083	690.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
PNJ	91,900	-0.5%	4.4%	31,352	2.6	13.3	6,915	15.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	26,000	2.4%	-0.4%	28,643	2.4	-67.0	-389	34.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	32,800	1.2%	4.8%	16,775	1.2	11.6	2,841	93.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BMP	184,600	-2.2%	8.8%	15,112	4.8	12.6	14,639	19.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NTP	64,900	-0.9%	-1.2%	11,100	2.8	11.0	5,885	6.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DBC	28,600	-0.2%	4.8%	11,007	1.4	6.9	4,150	112.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAF	35,650	-1.1%	1.1%	10,838	2.5	20.8	1,715	91.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KLB	16,600	1.8%	0.0%	9,646	1.3	6.4	2,609	16.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
SHI	17,450	0.0%	10.4%	2,966	1.6	52.4	333	5.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
YEG	13,800	7.0%	8.2%	2,647	1.3	17.1	806	76.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
ELC	23,850	-1.4%	3.9%	2,626	2.0	18.7	1,277	35.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FCN	16,650	6.4%	7.7%	2,621	1.0	95.0	175	48.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
LCG	11,000	3.8%	4.8%	2,273	0.9	19.3	569	33.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
NAF	36,000	-1.1%	3.2%	2,203	2.4	18.2	1,974	24.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VTZ	19,200	1.1%	5.5%	1,462	1.7	21.7	884	24.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DHA	64,900	0.6%	12.1%	955	2.0	9.7	6,686	6.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRC	15,500	5.1%	11.5%	775	0.8	946.3	16	6.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MST	6,700	-1.5%	1.5%	761	0.9	27.0	249	12.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PBC	6,800	11.5%	13.3%	711	0.6	90.9	67	20.8	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BCM	61,300	-2.5%	-6.0%	63,446	3.0	17.1	3,576	36.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	74,900	-7.0%	-20.8%	28,445	1.8	9.0	8,296	76.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	93,000	-6.0%	-17.6%	18,600	4.1	9.8	9,526	5.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KOS	37,000	0.8%	-5.4%	8,010	3.4	530.4	70	13.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCS	42,200	-4.5%	-7.4%	6,752	1.3	9.7	4,365	5.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SEA	33,000	-34.0%	-40.0%	4,410	1.9	26.4	1,338	5.4	Tiêu cực	-9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CSV	27,950	-1.8%	-5.3%	3,088	2.0	13.7	2,037	7.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PAT	89,000	0.5%	-17.4%	2,211	2.9	6.3	14,133	27.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
ACV	52,500	-0.2%	-2.6%	187,037	2.8	17.6	2,971	26.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	94,400	-1.6%	-1.7%	160,811	4.5	17.9	5,280	387.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	26,150	-0.9%	-6.8%	81,366	14.6	7.0	3,765	27.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	61,500	-0.6%	-1.9%	33,312	1.6	12.9	4,776	20.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,250	0.0%	-7.7%	27,131	0.7	-6.8	-1,946	52.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	19,050	-0.8%	-9.9%	18,665	1.6	90.3	211	167.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	26,100	-1.9%	-6.5%	17,192	2.5	15.7	1,667	98.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	31,950	-0.5%	-4.1%	16,914	1.6	8.9	3,578	21.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	31,400	0.5%	-9.8%	15,235	1.6	14.8	2,128	54.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	51,300	-1.3%	-5.0%	12,420	2.5	9.4	5,474	12.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	54,500	0.2%	-2.0%	12,233	1.3	7.9	6,944	19.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	9,080	0.0%	-6.9%	5,258	0.8	14.2	639	8.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NLG	31,400	0.48%	-9.77%	52,100	66.7%	2,128	1.6	14.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	41,150	-0.48%	-2.49%	64,100	55.0%	3,090	2.0	13.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	32,100	1.26%	-1.23%	48,500	53.0%	857	2.0	37.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	16,750	0.00%	-0.59%	25,500	52.2%	178	1.3	94.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,250	0.00%	-7.67%	20,000	50.9%	(1,946)	0.7	-6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	9,080	0.00%	-6.87%	13,600	49.8%	639	0.8	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	74,900	-6.96%	-20.82%	118,000	46.6%	8,296	1.8	9.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	36,400	-1.36%	-1.62%	54,000	46.3%	4,849	2.1	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	31,950	-0.47%	-4.05%	46,600	45.2%	3,578	1.6	8.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	29,550	0.00%	-2.15%	42,400	43.5%	1,763	1.7	16.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	17,250	2.37%	-4.17%	24,000	42.4%	400	1.5	43.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	51,300	-1.35%	-5.00%	73,900	42.1%	5,474	2.5	9.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,850	-0.63%	-0.42%	33,300	38.8%	3,385	1.3	7.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	29,850	0.67%	2.75%	40,800	37.6%	1,870	2.4	16.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
TCB	33,000	1.23%	-1.20%	44,800	37.4%	3,111	1.4	10.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	74,000	0.00%	-2.76%	101,200	36.8%	2,196	3.2	33.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	40,450	0.00%	-5.05%	55,200	36.5%	3,037	1.9	13.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	28,300	1.07%	0.53%	38,000	35.7%	2,603	1.5	10.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,400	0.00%	-0.56%	35,700	35.2%	1,876	1.6	14.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
GMD	58,400	-0.51%	0.69%	78,200	33.2%	3,498	2.0	16.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn